

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:86/2022/HSST
Ngày:26-7-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Y

Bà Nguyễn Thị H2 Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bé Thị Huệ- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 58/2022/TLST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2022/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

Phan Duy T (TB), sinh năm 1994 tại tỉnh Tiền Giang. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp Đ, xã KS, huyện CT, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn T1 và bà Phan Thị N; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: 01. Ngày 10/6/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong án phạt tù vào ngày 15/6/2020, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/02/2022, chuyển tạm giam từ ngày 18/02/2022 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Châu Thành. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại

1/ Lê Minh S, sinh năm 1996 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp TH, xã ST, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

2/ Trần Minh T2, sinh năm 2001 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp TH, xã ST, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Nguyễn Minh T3, sinh năm 1987 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp N, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

2/ Nguyễn Thị T4, sinh năm 1978 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp LL, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

3/ Phan Văn T1, sinh năm 1962 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Đ, xã KS, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

4/ Đỗ Hoàng T5, sinh năm 1998 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 15/9 đường số 10, phường BTT, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 72 NVL, phường 19, Quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

** Người làm chứng:*

1/ Nguyễn Thị Thúy Hồng, sinh năm 1974 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp TH, xã ST, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

2/ Nguyễn Vĩnh X, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

3/ Lê Văn G, sinh ngày 12/11/2006 (xin vắng mặt);

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1978 (xin vắng mặt);

Cùng trú tại: Ấp LL, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

4/ Trần Nam P, sinh năm 2000 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp TH, xã ST, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

5/ Nguyễn Đoàn Tuyết N1, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Địa chỉ: số 455, đường PTT, phường 7, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 11/6/2021, bị cáo Phan Duy T điều khiển xe mô tô hai bánh gắn biển số 63X4-5100 chở Lê Văn G lưu thông trên Tỉnh lộ 864 đến ngã ba Song Thuận thì lốp sau xe bị xì nên bị cáo T dẫn xe đến nhà Lê Minh S tại ấp TH, xã ST, huyện CT, tỉnh Tiền Giang để gửi xe và hỏi mượn xe mô tô hai bánh biển số 63B9-620.96 của S để về nhà. Đến ngày 15/6/2021 bị cáo T nhờ Nguyễn Vĩnh X, dẫn đến nhà anh Nguyễn Minh T3 (tên thường gọi H1) để cầm xe mô tô hai bánh gắn biển số 63B9-620.96 của Sang với số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Ngày hôm sau, bị cáo T đến gặp anh T3 chuộc lại xe và trả tiền lãi cầm xe cho anh T3 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng). Khoảng 01 tuần sau, bị cáo T nhờ X dẫn đến nhà anh T3 cầm xe mô tô trên với số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu

đồng). Đến ngày 16/6/2021 bị cáo T không trả xe và không liên lạc được nên anh Lê Minh S đến Công an xã Song Thuận trình báo sự việc trên.

Bản kết luận định giá tài sản số 45 ngày 01/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Châu Thành kết luận: Một xe mô tô hai bánh gắn biển số 63B9-620.96, màu xanh, số máy 10196808, không tìm được số khung, xe cũ đã qua sử dụng có giá trị là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Kết luận giám định số 197/KL-KTHS ngày 22/02/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang đối với xe mô tô hai bánh, màu sơn xanh, biển số 63B9-620.96, kết luận:

Số khung:

+ Trước giám định: Bị mài mòn.

+ Sau giám định: Số nguyên thủy bị mài mòn, mất hoàn toàn, không đọc được số.

Số máy: 1P53FMH-10196808 trước và sau giám định không đổi.

Kết quả xác minh phương tiện đối với giao thông cơ giới đường bộ: Xe mô tô hai bánh biển số 63B9-620.96, có số máy: 1P53FMH10196808, số khung: VH1100110196808 do Lê Minh S đứng tên chủ sở hữu.

* Thu giữ, xử lý vật chứng, đồ vật:

- Một xe mô tô và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 63X4-5100, nhãn hiệu Future Neo màu đen xám, số máy VHLFM152FMHV23010, không rõ số khung, trong xe không có tài sản gì khác.

- Một xe mô tô hai bánh biển số 63B9-620.96, màu xanh, số máy 10196808, không tìm được số khung, xe cũ đã qua sử dụng

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành đã trả một xe mô tô hai bánh biển số 63B9-620.96 cho Lê Minh S là chủ sở hữu.

Đối với xe mô tô hai bánh biển số 63X4-5100 nhãn hiệu Future Neo màu đen xám do Nguyễn Thị H2, địa chỉ: Ấp ML, xã TT, huyện CB, tỉnh Tiền Giang đứng tên chủ sở hữu. Qua xác minh thì khoảng đầu năm 2008 chị Hồng đã bán xe mô tô trên cho người khác không nhớ họ tên địa chỉ. Chị Nguyễn Thị T4 (mẹ ruột của Lê Văn G) khai mua xe 63X4-5100 của một người không rõ họ tên địa chỉ, chưa sang tên chủ sở hữu. Ngày 22/4/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành đã trả xe 63X4-5100 cho chị Nguyễn Thị T4.

* Về giải quyết trách nhiệm dân sự: Ông Phan Văn T1 là cha ruột của bị cáo T đã tự nguyện bồi thường cho Lê Minh S với số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Anh S đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo T bồi thường, khắc phục hậu quả.

Vụ thứ hai: Khoảng 04 giờ ngày 06/02/2022 tại nhà anh Trần Nam P, tại ấp TH, xã ST, huyện CT, tỉnh Tiền Giang, bị cáo Phan Duy T hỏi mượn xe mô tô hai bánh biển số 63B3-800.29 hiệu Suzuki loại Raider của anh Trần Minh T2, tại ấp Tây

Hòa xã Song Thuận huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang để về nhà. Sau khi mượn xe của T2, T chở Nguyễn Đoàn Tuyết N1 (tên thường gọi: N2), đến Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh thuê khách sạn (không rõ địa chỉ cụ thể) để ở. Đến ngày 10/02/2022 bị cáo T nhờ N1 đem xe mô tô hai bánh biển số 63B3-800.29 đi cầm để lấy tiền tiêu xài, N1 đem cầm xe cho một người tên T6 (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) với số tiền 6.000.000 đồng. Ngày 16/02/2022 Nguyễn Thị H3, đem xe mô tô trên đến tiệm cầm đồ Thành Nam, tại số 72 NVL, phường 19, Quận BT, thành phố Hồ Chí Minh cầm xe 63B3-800.29 với số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng). Đến ngày 08/02/2022 bị cáo T không trả xe và anh T2 không liên lạc được với bị cáo T nên đến Công an xã Song Thuận trình báo.

Bản kết luận định giá tài sản số 46 ngày 02/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Châu Thành kết luận: Một xe mô tô hai bánh gắn biển số 63B3-800.29 hiệu Suzuki, loại Raider màu đen, số máy:CGA1518850, số khung:11ANJV118504 có trị giá là 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu đồng).

* Thu giữ, xử lý vật chứng, đồ vật:

Một xe mô tô hai bánh biển số 63B3-800.29 hiệu Suzuki, loại Raider, màu đen, số máy CGA1518850, số khung 11ANJV118504, có gắn một gương chiếu hậu bên trái. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành đã trả cho Trần Minh T2 là chủ sở hữu đối với xe mô tô trên.

Về giải quyết trách nhiệm dân sự: Bị hại T2 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường.

Như vậy, tổng giá trị tài sản mà bị cáo Phan Duy T lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt là 39.500.000 đồng (Ba mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng)

Tại bản cáo trạng số 63/CT-VKSCT ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đã truy tố bị cáo Phan Duy T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng, và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phan Duy T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điểm b khoản 1 Điều 175; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm h, điểm g Điều 52, Điều 32; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Phan Duy T từ **02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng** tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 15/02/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Phan Văn T1 là cha ruột của bị cáo T đã tự nguyện bồi thường cho anh Lê Minh S với số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Sang đã nhận lại tài sản và không yêu cầu T bồi thường, khắc phục hậu quả. Bị hại T2 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành đã xử lý vật chứng theo quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đã thể hiện, không có ý kiến tranh luận bổ sung.

Về trách nhiệm hình sự: Bị hại Trần Minh T2 xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại T2 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo nhận thấy mình có lỗi, biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo hứa sẽ không tái phạm và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo mức thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Cơ quan điều tra công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

Bị hại Lê Minh S vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Minh T3, Nguyễn Thị T4, Đỗ Hoàng T5 có đơn xin vắng mặt, vắng mặt. Người làm chứng Nguyễn Thị Thúy Hồng, Trần Nam P, Lê Văn G có đơn xin vắng mặt, Nguyễn Đoàn Tuyết N1, Nguyễn Vĩnh X vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử và vẫn đảm bảo quyền lợi hợp pháp của họ. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 292, Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phan Duy T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố: Vào ngày 11/6/2021 và ngày 06/02/2022

bị cáo thực hiện 02 vụ lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản bằng cách mượn xe của bị hại, được người bị hại tin tưởng giao tài sản. Sau khi nhận được tài sản một cách hợp pháp thì bị cáo đem tài sản đi cầm tiêu xài cá nhân. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 02 vụ trên là 39.500.000 đồng. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng được thu giữ và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phan Duy T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác sẽ bị xử lý nghiêm khắc. Nhận thức được điều đó, nhưng bị cáo vẫn lợi dụng sự tin tưởng của chủ sở hữu để chiếm đoạt tài sản, với động cơ tư lợi muốn có tiền tiêu xài cá nhân, lười lao động nhưng thích hưởng thụ bằng tài sản của người khác, bất chấp pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; cha bị cáo đã tự nguyện nộp bồi thường thiệt hại cho người bị hại số tiền 2.000.000 đồng, gia đình bị cáo có bà nội tên Trần Thị T7 là bà mẹ Việt Nam anh hùng, Bị hại T2 xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, về nhân thân: bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền án. Do đó Hội đồng xét xử căn cho bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội 02 lần và thuộc trường hợp tái phạm nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, điểm h Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Ông Phan Văn T1 là cha ruột của T đã tự nguyện bồi thường cho anh Lê Minh S với số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), không yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền ông đã bồi thường. Anh S đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo T bồi thường, khắc phục hậu quả. Bị hại T2 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành đã xử lý vật chứng theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[6] Đối với anh Nguyễn Minh T3, anh Đỗ Hoàng T5 nhận cầm xe không biết các xe mô tô hai bánh trên do bị cáo T phạm tội mà có nên không chịu trách nhiệm hình sự. ANH Nguyễn Vĩnh X dẫn bị cáo T đến chỗ cầm xe mô tô hai bánh biển số 63B9-620.96 và chị Nguyễn Đoàn Tuyết N1 đi cầm xe mô tô hai bánh gắn biển

số 63B3-800.29 nhưng không biết các xe này không phải của bị cáo T nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[7] Đối với bà Nguyễn Thị H3 là người đem xe mô tô 63B3-800.29 cầm cho anh Đỗ Hoàng T5, nhưng hiện tại bà H3 không có mặt tại địa phương, không rõ ở đâu, do đó tách ra làm rõ, xử lý sau là có cơ sở.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Phan Duy T (TB)** phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

1. Về hình phạt:

Áp dụng:

- Điểm b khoản 1 Điều 175; khoản 1 Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, điểm h Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Duy T (TB) **02 (Hai) năm** tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ 15/02/2022.

2. Về án phí:

Áp dụng: Khoản 2 Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKS ND huyện Châu Thành;
- VKS ND tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự h. Châu Thành;
- Cơ quan Thi hành án hình sự h. Châu Thành;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: AV, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Đỗ Thị Hồng Quyên